

Sinh hoạt định kỳ hàng tháng của Hội Kế toán TP. Hồ Chí Minh

Giới thiệu

Chế độ kế toán DNNVV

(Thông tư số 133/2016 ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

Mai Thanh Tòng, CPA
Phó Chủ tịch Hội Kế toán hành nghề VN
27/10/2016



1

Những thay đổi quan trọng

1. Nguyên tắc xây dựng chế độ kế toán
2. Những quy định chung
3. Hệ thống tài khoản kế toán
4. Hệ thống báo cáo tài chính
5. Hệ thống chứng từ kế toán
6. Hệ thống sổ sách kế toán
7. Tổ chức thực hiện



2

Nguyên tắc xây dựng chế độ kế toán

Phần I



3

Nguyên tắc xây dựng chế độ kế toán



Tiếp cận gần với thông lệ và chuẩn mực quốc tế: Doanh thu được ghi nhận tương ứng với nghĩa vụ thực hiện



Đổi mới cách tiếp cận: Ưu tiên tạo thuận lợi tối đa cho DN kinh doanh đúng pháp luật hơn là đưa ra những quy định trói buộc để ngăn ngừa gian lận



Đặt nặng cách trình bày BCTC: Kế toán không chỉ là ghi Nợ, ghi Có trên sổ kế toán mà quan trọng là thông tin trình bày trên BCTC phải trung thực, minh bạch



Tách biệt kỹ thuật kế toán trên TK và bảng CĐKT –
Khái niệm về ngắn hạn và dài hạn chỉ áp dụng đối với Báo cáo Tình hình Tài chính, không áp dụng đối với Tài khoản



4

Nguyên tắc xây dựng chế độ kế toán



Coi trọng bản chất hơn hình thức của giao dịch: Người kế toán không chỉ thuộc lòng ghi Nợ, ghi Có mà phải biết vận dụng các nguyên tắc kế toán



Tách bạch giữa kế toán và thuế: phân biệt rõ doanh thu, chi phí và **lợi nhuận kế toán** khác với doanh thu tính thuế, chi phí được trừ và **thu nhập chịu thuế**



Cởi mở, linh hoạt là đặc tính của chế độ kế toán lần này – Từ đó, đề cao tính khả thi, đưa ra nhiều lựa chọn cho DN (xem tiếp Slide sau)



5

Thế nào chế độ mở và linh hoạt?

- ❑ Chế độ kế toán chủ yếu quy định đến **TK cấp 1**, chỉ một số ít TK chi tiết đến cấp 2
- ❑ Mỗi TK chỉ phản ánh **một nội dung**, chứ không có TK riêng cho ngắn hạn và dài hạn
- ❑ DN được **tự xây dựng** hệ thống chứng từ và hệ thống sổ để đáp ứng yêu cầu quản trị, điều hành miễn đáp ứng các yêu cầu của Luật Kế toán
- ❑ Chế độ kế toán chỉ quy định về **nguyên tắc kế toán** mà không quy định chi tiết về các bút toán – DN tự quyết định bút toán miễn trình bày BCTC đúng quy định



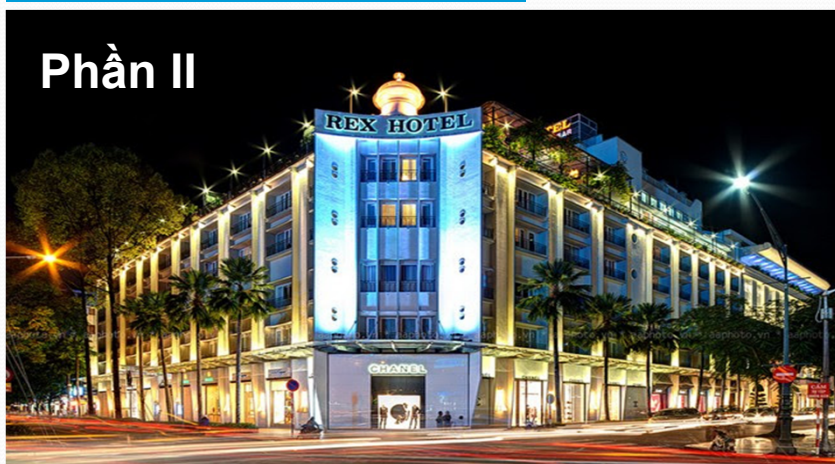
6

Thế nào chế độ mở và linh hoạt?

- ❑ Nếu DN không vận dụng được nguyên tắc kế toán để tự định khoản thì có thể tham khảo **bút toán hướng dẫn**
- ❑ DN được **chọn đồng tiền ghi sổ** kế toán, không nhất thiết là VNĐ khi đáp ứng các quy định trong chế độ
- ❑ DN **tự quyết định ghi nhận doanh thu** hay không từ các giao dịch nội bộ mà không phụ thuộc vào chứng từ
- ❑ DN tự quyết định số vốn cấp cho đơn vị hạch toán phụ thuộc là **Vốn chủ sở hữu** hay **Nợ phải trả**
- ❑ DN được **chọn biểu mẫu BCTC** theo tính thanh khoản giảm dần hoặc phân biệt ngắn hạn, dài hạn theo truyền thống

Những quy định chung

Phần II



Những quy định chung

Đối tượng áp dụng

- Áp dụng đối với DNNVV, kể cả siêu nhỏ, thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế, **trừ** DNN, công ty đại chúng theo luật Chứng khoán, HTX
- DNNVV đã áp dụng chế độ kế toán theo TT 200/2014, nếu muốn thực hiện theo TT này phải áp dụng từ **đầu năm** và phải báo cho cơ quan thuế



Thế nào là doanh nghiệp nhỏ và vừa

Theo ND 56/2009/NĐ-CP ngày 30/06/2009 của CP, DNNVV là CSKD **đã đăng ký kinh doanh** theo quy định pháp luật, đáp ứng một trong hai điều kiện:

- Tổng nguồn vốn (tổng nguồn vốn tương đương tổng tài sản được xác định trong bảng cân đối kế toán) **không quá 100 tỷ đồng** (đối với khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp và xây dựng), **không quá 50 tỷ đồng** (đối với khu vực thương mại và dịch vụ); hoặc
- Số lao động bình quân năm **không quá 300 người** (đối với khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp và xây dựng), **không quá 100 người** (đối với khu vực thương mại và dịch vụ)

Thế nào là doanh nghiệp nhỏ và vừa

Quy mô Khu vực	Doanh nghiệp siêu nhỏ	Doanh nghiệp nhỏ		Doanh nghiệp vừa	
	Số lao động	Tổng nguồn vốn	Số lao động	Tổng nguồn vốn	Số lao động
I. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	10 người trở xuống	20 tỷ đồng trở xuống	từ trên 10 người đến 200 người	từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	từ trên 200 người đến 300 người
II. Công nghiệp và xây dựng	10 người trở xuống	20 tỷ đồng trở xuống	từ trên 10 người đến 200 người	từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	từ trên 200 người đến 300 người
III. Thương mại và dịch vụ	10 người trở xuống	10 tỷ đồng trở xuống	từ trên 10 người đến 50 người	từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	từ trên 50 người đến 100 người



11

Những quy định chung

Phạm vi điều chỉnh

- TT này hướng dẫn nguyên tắc ghi sổ kế toán, lập và trình bày **Báo cáo tài chính** (BCTC) của DNNVV
- Không áp dụng cho việc xác định nghĩa **vụ thuế**



12

Những quy định chung

Áp dụng chuẩn mực kế toán

- ☐ DNNVV thực hiện chế độ kế toán theo TT này và các chuẩn mực kế toán VN đã ban hành sau đây:

STT	Số hiệu CM	Tên CM
1	VAS số 01	Chuẩn mực chung
2	VAS số 02	Hàng tồn kho (*)
3	VAS số 03	Tài sản cố định hữu hình (*)
4	VAS số 04	Tài sản cố định vô hình (*)
5	VAS số 05	Bất động sản đầu tư
6	VAS số 06	Thuê tài sản (*)
7	VAS số 07	Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết (*)



13

Những quy định chung

Áp dụng chuẩn mực kế toán

- ☐ DNNVV thực hiện chế độ kế toán theo TT này và các chuẩn mực kế toán VN đã ban hành sau đây:

STT	Số hiệu CM	Tên CM
8	VAS số 08	Thông tin tài chính về các khoản vốn góp liên doanh (*)
9	VAS số 10	Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái (*)
10	VAS số 14	Doanh thu và thu nhập khác
11	VAS số 15	Hợp đồng xây dựng (*)
12	VAS số 16	Chi phí đi vay (*)
13	VAS số 18	Các khoản dự phòng tài sản và nợ tiềm tàng
14	VAS số 23	Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm



14

Những quy định chung

Áp dụng chuẩn mực kế toán

- ❑ DNNVV thực hiện chế độ kế toán theo TT này **không** phải tuân thủ các chuẩn mực kế toán sau đây:

STT	Số hiệu CM	Tên CM
1	VAS số 11	Hợp nhất kinh doanh
2	VAS số 19	Hợp đồng bảo hiểm
3	VAS số 22	BCTC các ngân hàng và tổ chức tài chính
4	VAS số 25	BCTC hợp nhất và Đầu tư vào công ty con
5	VAS số 27	BCTC giữa niên độ
6	VAS số 28	BCTC bộ phận
7	VAS số 30	Lãi trên cổ phiếu

Lựa chọn đơn vị tiền tệ

- ❑ DN có thu chi chủ yếu bằng ngoại tệ **tự chọn** đơn vị tiền tệ trong kế toán, nhưng phải thông báo cho cơ quan thuế
- ❑ Đơn vị tiền tệ trong kế toán là đơn vị tiền tệ được sử dụng:
 - ❑ Chủ yếu trong các giao dịch **bán hàng**, được dùng để niêm yết giá và thanh toán
 - ❑ Chủ yếu trong việc **mua hàng** hóa, dịch vụ, có ảnh hưởng đến chỉ phí SXKD, là đơn vị dùng để thanh toán



Lựa chọn đơn vị tiền tệ

- ❑ DN sử dụng ngoại tệ làm đơn vị tiền tệ khi lập BCTC bằng ngoại tệ phải **chuyển đổi** sang VND để công bố và nộp cho cơ quan quản lý NN
- ❑ BCTC mang tính pháp lý là BCTC **bằng VND**
- ❑ BCTC nộp cho cơ quan quản lý phải **được kiểm toán**
- ❑ Việc chuyển đổi BCTC sang tiền VND phải thực hiện theo TT số 133/2016
- ❑ DN phải trình bày rõ trên Bản **thuyết minh** những ảnh hưởng (nếu có) khi chuyển đổi BCTC sang VND



17

Tổ chức bộ máy kế toán

- ❑ DN có trách nhiệm tổ chức bộ máy kế toán và **phân cấp hạch toán** ở các đơn vị phụ thuộc phù hợp với đặc điểm hoạt động
- ❑ DN quyết định việc kế toán tại đơn vị hạch toán phụ thuộc có tổ chức **bộ máy kế toán riêng** về:
 - ❑ Việc ghi nhận vốn kinh doanh được cấp là **Nợ phải trả** hay **Vốn chủ sở hữu**
 - ❑ Các giao dịch mua, bán hàng hoá, dịch vụ nội bộ là Doanh thu, GVHB theo từng đơn vị phụ thuộc do DN quyết định, không phụ thuộc vào chứng từ (hóa đơn hay luân chuyển nội bộ)
 - ❑ Đơn vị hạch toán phụ thuộc có thể được phân cấp hạch toán đến **Lợi nhuận sau thuế** hoặc chỉ Doanh thu và Chi phí



18

Đăng ký sửa chữa chế độ kế toán

1

Hệ thống tài khoản kế toán: DN được bổ sung, sửa đổi tài khoản cấp 1 và cấp 2 khi có văn bản chấp thuận của BTC

2

Hệ thống báo cáo tài chính: DN được bổ sung, sửa đổi biểu mẫu, tên, nội dung các chỉ tiêu của BCTC khi có văn bản chấp thuận của BTC

3

Hệ thống chứng từ và sổ sách kế toán: DN có thể tự thiết kế các mẫu biểu chứng từ kế toán và mẫu sổ, thẻ kế toán (Sổ Nhật ký, Sổ cái) miễn đảm bảo các nội dung theo Luật kế toán



19

Hệ thống tài khoản kế toán

Phần III



20

Hệ thống tài khoản kế toán



Sắp xếp lại còn 49 tài khoản cấp 1 – Xem [Handout 1](#)



Không phân biệt tài khoản ngắn hạn hay dài hạn



Bỏ một số tài khoản đồng thời bổ sung một số tài khoản



Sửa đổi một số tài khoản cấp 1 và cấp 2



21

Hệ thống tài khoản kế toán

- ▣ Các tài khoản kế toán được phân loại trong hệ thống tài khoản kế toán theo đúng **phương trình kế toán mở rộng** dưới đây:

$$\text{Tài sản} = \text{Nợ phải trả} + \text{Vốn CSH} + \text{D thu} - \text{C phí}$$

- ▣ Như vậy, có tất cả **5** loại tài khoản:

- ▣ Loại **tài khoản Tài sản**
- ▣ Loại **tài khoản Nợ phải trả**
- ▣ Loại **tài khoản Vốn chủ sở hữu**
- ▣ Loại **tài khoản Doanh thu**
- ▣ Loại **tài khoản Chi phí**

**Bổ hẳn 5 tài khoản
ngoại bảng**



22

Hệ thống tài khoản kế toán

Danh mục hệ thống tài khoản		TT 133/16	TT 200/14
1.	Loại tài khoản Tài sản	23 TK	33 TK
2.	Loại tài khoản Nợ phải trả	10 TK	15 TK
3.	Loại tài khoản Vốn chủ sở hữu	05 TK	11 TK
4.	Loại tài khoản Doanh thu	02 TK	03 TK
5.	Loại tài khoản Chi phí	05 TK	10 TK
6.	Loại tài khoản Thu nhập khác	01 TK	01 TK
7.	Loại tài khoản Chi phí khác	02 TK	02 TK
8.	Loại tài khoản Xác định kết quả	01 TK	01 TK



23

Hệ thống tài khoản kế toán

Bổ các tài khoản

- ▣ TK 1113 Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý
- ▣ TK 1123 Vàng, bạc, đá quý
- ▣ TK 121 Đầu tư tài chính ngắn hạn
- ▣ TK 142 Chi phí trả trước ngắn hạn
- ▣ TK 159 Các khoản dự phòng
- ▣ TK 221 Đầu tư tài chính dài hạn
- ▣ TK 229 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Bổ sung các tài khoản

- ▣ TK 121 Chứng khoán kinh d
- ▣ TK 128 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
- ▣ TK 136 Phải thu nội bộ
- ▣ TK 151 Hàng mua đang đi đg
- ▣ TK 228 Đầu tư góp vốn vào đv
- ▣ TK 229 Dự phòng tổn thất tài s.
 - 2291 Giảm giá chứng khoán KD
 - 2292 Tổn thất đầu tư vào đv #
 - 2293 Phải thu khó đòi
 - 2298 Giảm giá hàng tồn kho



24

Hệ thống tài khoản kế toán

Bổ các tài khoản

- ▣ TK 242 Chi phí trả trước dài hạn
- ▣ TK 244 Ký quỹ, ký cược dài hạn
- ▣ TK 311 Vay ngắn hạn
- ▣ TK 315 Nợ dài hạn đến hạn trả
- ▣ TK 331 Phải trả cho người bán
- ▣ TK 341 Vay, nợ dài hạn
 - 3411 Vay dài hạn
 - 3412 Nợ dài hạn
 - 3413 Trái phiếu phát hành
 - 3414 Nhận ký quỹ, ký cược dài

Bổ sung các tài khoản

- ▣ TK 242 Chi phí trả trước
- ▣ TK 311 Phải trả cho người bán (thay thế TK 331 Phải trả cho người bán đã bỏ)
- ▣ TK 336 Phải trả nội bộ
 - 3361 Phải trả nội bộ về vốn KD
 - 3368 Phải trả nội bộ khác
- ▣ TK 341 Vay và Nợ thuê tài chính
 - 3411 Các khoản đi vay
 - 3412 Nợ thuê tài chính



25

Hệ thống tài khoản kế toán

Bổ các tài khoản

- ▣ TK 351 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm
- ▣ TK 352 (Xem bổ sung TK cấp 2)
- ▣ TK 431 Quỹ khen thưởng phúc l
 - 4311 Quỹ khen thưởng
 - 4312 Quỹ phúc lợi

(Xem tiếp ở Slide sau)

Bổ sung các tài khoản

- ▣ TK 352 Dự phòng phải trả
 - 3521 Bảo hành sản phẩm
 - 3522 Bảo hành công trình xây dg
 - 3528 Bảo hành khác
- ▣ TK 353 Quỹ khen thưởng phúc l
 - 3531 Quỹ khen thưởng
 - 3532 Quỹ phúc lợi
 - 3533 Phúc lợi đã hình thành TS
 - 3534 Quỹ khen thưởng Ban q lý



26

Hệ thống tài khoản kế toán

Bổ các tài khoản

- ▣ TK 411 Nguồn vốn kinh doanh (xem đổi tên ở phần bổ sung TK)
 - 4111 Vốn đầu tư của chủ sở hữu
- ▣ TK 421 Lợi nhuận chưa phân phối (xem đổi tên ở phần bổ sung TK)
 - 4211 Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
 - 4212 Lợi nhuận chưa phân phối năm nay
- ▣ TK 521 Các khoản giảm trừ DT

Bổ sung các tài khoản

- ▣ TK 356 Quỹ phát triển KH & CN
 - 3561 Quỹ phát triển KH&CN
 - 3562 Quỹ phát triển KH&CN đã hình thành tài sản
- ▣ TK 411 Vốn đầu tư của chủ sở hữu
 - 4111 Vốn góp của chủ sở hữu
- ▣ TK 421 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
 - 4211 Lợi nhuận sau thuế năm n
 - 4212 Lợi nhuận sau thuế năm t



27

Hệ thống tài khoản kế toán

Một vài thay đổi quan trọng

1

Bỏ tỷ giá bình quân liên ngân hàng, thay bằng **tỷ giá giao dịch thực tế** (đích danh hoặc bình quân gia quyền) tại ngân hàng thương mại đối với các giao dịch bằng ngoại tệ

2

Bỏ phương pháp Nhập sau xuất trước (LIFO) và thay bằng **phương pháp Giá bán lẻ** áp dụng cho một số đơn vị đặc thù (siêu thị hoặc tương tự)

3

Doanh thu phải được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn là hình thức hoặc tên gọi của giao dịch – VD: Bán hàng có khuyến mại (mua 2 tặng 1), bản chất là giảm giá



28

Hệ thống tài khoản kế toán

Một vài thay đổi quan trọng

- Thời điểm và căn cứ để ghi nhận doanh thu kế toán và doanh thu tính thuế có thể khác nhau:
 - ▣ **Doanh thu tính thuế** chỉ được sử dụng để xác định số thuế phải nộp;
 - ▣ **Doanh thu kế toán** để lập BCTC phải tuân thủ các nguyên tắc kế toán, không nhất thiết phải bằng số đã ghi trên hoá đơn bán hàng



Hệ thống báo cáo tài chính

Phần IV



Hệ thống báo cáo tài chính

Đối tượng và trách nhiệm lập BCTC



Hệ thống BCTC **năm** áp dụng cho tất cả các loại hình DNNVV thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế



Việc lập BCTC phải theo quy định của **Luật Kế toán**



Trường hợp DN thuê công ty dịch vụ kế toán lập BCTC thì người hành nghề kế toán và công ty phải ký và ghi **số giấy chứng nhận đăng ký hành nghề** và tên công ty trên BCTC



31

Hệ thống báo cáo tài chính

Hệ thống BCTC

DNNVV đáp ứng giả định hoạt động liên tục

☑ Báo cáo bắt buộc:

- | | |
|---------------------------------|-----------------------------|
| ☐ Báo cáo tình hình tài chính | Mẫu số B01a-DNN <i>hoặc</i> |
| ☐ Báo cáo tình hình tài chính | Mẫu số B01b-DNN |
| ☐ Báo cáo kết quả kinh doanh | Mẫu số B02 - DNN |
| ☐ Thuyết minh BCTC | Mẫu số B09 - DNN |
| ☐ Bảng cân đối tài khoản (thuế) | Mẫu số F01 - DNN |

☑ Báo cáo không bắt buộc:

- | | |
|------------------------------|------------------|
| ☐ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B03 - DNN |
|------------------------------|------------------|



32

Hệ thống báo cáo tài chính

Hệ thống BCTC

DNNVV không đáp ứng giả định hoạt động liên tục

☐ Báo cáo bắt buộc:

☐ Báo cáo tình hình tài chính	Mẫu số B01 - DNNKLT
☐ Báo cáo kết quả kinh doanh	Mẫu số B02 - DNN
☐ Thuyết minh BCTC	Mẫu số B09 - DNNKLT

☐ Báo cáo không bắt buộc:

☐ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Mẫu số B03 - DNN
------------------------------	------------------



33

Hệ thống báo cáo tài chính

Hệ thống BCTC

Mẫu BCTC cho DN siêu nhỏ

☐ Báo cáo bắt buộc:

☐ Báo cáo tình hình tài chính	Mẫu số B01 - DNSN
☐ Báo cáo kết quả kinh doanh	Mẫu số B02 - DNSN
☐ Thuyết minh BCTC	Mẫu số B09 - DNSN



34

Hệ thống báo cáo tài chính

Yêu cầu về thông tin trình bày trên BCTC

Đầy đủ, khách quan, không sai sót để phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và kết quả kinh doanh

Thích hợp để người đọc dự đoán, phân tích, quyết định

Đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu

Kịp thời, dễ hiểu và có thể kiểm chứng được

Nhất quán và có thể so sánh được giữa các kỳ



35

Hệ thống báo cáo tài chính

BCTC của DN còn hoạt động liên tục

- ▣ Trình bày **đúng bản chất** của giao dịch hơn là hình thức pháp lý của giao dịch
- ▣ Tài sản không được ghi nhận **cao hơn** giá trị có thể thu hồi – Nợ phải trả không được ghi nhận **thấp hơn** nghĩa vụ phải thanh toán
- ▣ Tài sản và Nợ phải trả được trình bày theo tính **thanh khoản giảm dần** hoặc trình bày theo **ngắn hạn & dài hạn** – Riêng BCTC của DN siêu nhỏ phải trình bày theo tính thanh khoản giảm dần



36

Hệ thống báo cáo tài chính

BCTC của DN còn hoạt động liên tục

- ❑ Khi trình bày thành ngắn hạn và dài hạn thì các khoản mục Tài sản và Nợ phải trả phải được trình bày **riêng biệt** thành ngắn hạn và dài hạn
- ❑ Tài sản và Nợ phải trả phải trình bày **riêng biệt** – Chỉ được bù trừ khi TS và NPT liên quan đến cùng một đối tượng, phát sinh từ các giao dịch cùng loại
- ❑ Doanh thu, chi phí, thu nhập trình bày theo nguyên tắc **phù hợp và thận trọng** - Nếu kỳ trước có sai sót thì điều chỉnh hồi tố bằng cách ghi lại trên cột so sánh



37

Hệ thống báo cáo tài chính

BCTC của DN còn hoạt động liên tục

- ❑ Phân loại Tài sản và Nợ phải trả
 - ❑ Tài sản và Nợ phải trả có thời gian đáo hạn còn lại không quá **12 tháng** hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là **ngắn hạn**
 - ❑ Tài sản và Nợ phải trả không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại là **dài hạn**
 - ❑ Khi lập BCTC, Tài sản và Nợ phải trả đã được phân loại là dài hạn trong kỳ trước phải được phân loại lại là **ngắn hạn** nếu thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng hoặc chu kỳ SXKD



38

Hệ thống báo cáo tài chính

BCTC của DN không còn hoạt động liên tục

- ❑ DN bị coi là không hoạt động liên tục nếu:
 - ❑ **Hết thời hạn** hoạt động mà không có hồ sơ xin gia hạn
 - ❑ Bị **giải thể, phá sản**, chấm dứt hoạt động (có văn bản gửi cơ quan quản lý) trong vòng không quá 12 tháng kể từ lập BCTC
- ❑ DN vẫn được coi là hoạt động liên tục nếu:
 - ❑ Thay đổi **hình thức sở hữu** (cổ phần hoá), thay đổi loại hình (Cty TNHH thành Cty cổ phần hay ngược lại)
 - ❑ Chuyển đổi từ đơn vị **hạch toán độc lập** sang đơn vị **hạch toán phụ thuộc** hoặc ngược lại



39

Hệ thống báo cáo tài chính

BCTC của DN không còn hoạt động liên tục

- ❑ Khi DN bị coi là không hoạt động liên tục nữa thì phải trình bày BCTC theo tính **thanh khoản giảm dần** chứ không phân loại TS và NPT thành ngắn hạn và dài hạn nữa
- ❑ DN phải **đánh giá lại** toàn bộ TS và NPT và ghi nhận vào sổ sách kế toán theo giá đánh giá lại trước khi lập BCTC
- ❑ Việc đánh giá lại TS và NPT phải theo một số **nguyên tắc** áp dụng cho từng loại TS và NPT – Xem chi tiết ở TT số 133/2016 của BTC



40

Hệ thống báo cáo tài chính

BCTC của DN không còn hoạt động liên tục

- Khi DN không còn hoạt động liên phải trình bày đầy đủ BCTC và ghi rõ là:
 - Báo cáo tình hình tài chính không đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo mẫu B01-DNNKLT
 - Báo cáo KQKD mẫu B02-DNN (bình thường)
 - Báo cáo LCTT mẫu số B03-DNN (bình thường)
 - Thuyết minh BCTC không đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo mẫu số B09-DNNKLT



41

Hệ thống báo cáo tài chính

Trách nhiệm - Thời hạn – Nơi nhận BCTC

- **Trách nhiệm và thời hạn lập BCTC**
 - DNNVV phải lập và gửi BCTC **năm**
 - Chậm nhất là **90** ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính
- **Nơi nhận BCTC**
 - Cơ quan thuế
 - Cơ quan đăng ký kinh doanh
 - Cơ quan thống kê
 - Ban Quản lý KCX, KCN, KCNC (nếu nằm trong các Khu này)



42

Chứng từ kế toán



43

Chứng từ kế toán



Các loại chứng từ ban hành tại danh mục và biểu mẫu đều thuộc loại **hướng dẫn** – DN được chủ động xây dựng, thiết kế biểu mẫu phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý



Việc thiết kế biểu mẫu chứng từ phải tuân thủ **Luật Kế toán** nhằm đảm bảo rõ ràng, minh bạch, kịp thời, dễ kiểm tra, kiểm soát và đối chiếu



DN không tự xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán có thể **áp dụng** các biểu mẫu chứng từ này



44

Chứng từ kế toán

STT	Tên chứng từ	Số hiệu
I Lao động tiền lương		
1	Bảng chấm công	01a-LĐTL
2	Bảng chấm công làm thêm giờ	01b-LĐTL
3	Bảng thanh toán tiền lương	02-LĐTL
4	Bảng thanh toán tiền thưởng	03-LĐTL
5	Giấy đi đường	04-LĐTL
6	Phiếu xác nhận sản phẩm/ công việc hoàn thành	05-LĐTL
7	Bảng thanh toán tiền làm thêm giờ	06-LĐTL
8	Bảng thanh toán tiền thuê ngoài	07-LĐTL
9	Hợp đồng giao khoán	08-LĐTL



45

Chứng từ kế toán

STT	Tên chứng từ	Số hiệu
II Hàng tồn kho		
1	Phiếu nhập kho	01-VT
2	Phiếu xuất kho	02-VT
3	Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm	03-VT
4	Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ	04-VT
5	Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm	05-VT
6	Bảng kê mua hàng	06-VT
7	Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	07-VT
III Bán hàng		
9	Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi	01-BH



46

Chứng từ kế toán

STT	Tên chứng từ	Số hiệu
IV Tiền tệ		
1	Phiếu thu	01-TT
2	Phiếu chi	02-TT
3	Giấy đề nghị tạm ứng	03-TT
4	Giấy thanh toán tiền tạm ứng	04-TT
5	Giấy đề nghị thanh toán	05-TT
6	Biên lai thu tiền	06-TT
7	Bảng kê vàng, bạc, kim khí quý, đá quý	07-TT
8	Bảng kiểm kê quỹ (VNĐ)	08a-TT
9	Bảng kiểm kê quỹ (Ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý)	08b-TT



47

Chứng từ kế toán

STT	Tên chứng từ	Số hiệu
V Tài sản cố định		
1	Biên bản giao nhận TSCĐ	01-TT
2	Biên bản thanh lý TSCĐ	02-TT
3	Biên bản bàn giao TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành	03-TT
4	Biên bản đánh giá lại TSCĐ	04-TT
5	Biên bản kiểm kê TSCĐ	05-TT
6	Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ	06-TT



48

Chứng từ kế toán



Chứng từ kế toán không được viết tắt, tẩy xoá, sửa chữa, bằng bút mực, số và chữ viết phải liên tục, không ngắt quãng, chỗ trống phải gạch chéo



Chứng từ kế toán phải có đủ chữ ký theo chức danh quy định – Chữ ký phải bằng mực không phai, không được ký bằng màu đỏ hoặc đóng dấu chữ ký



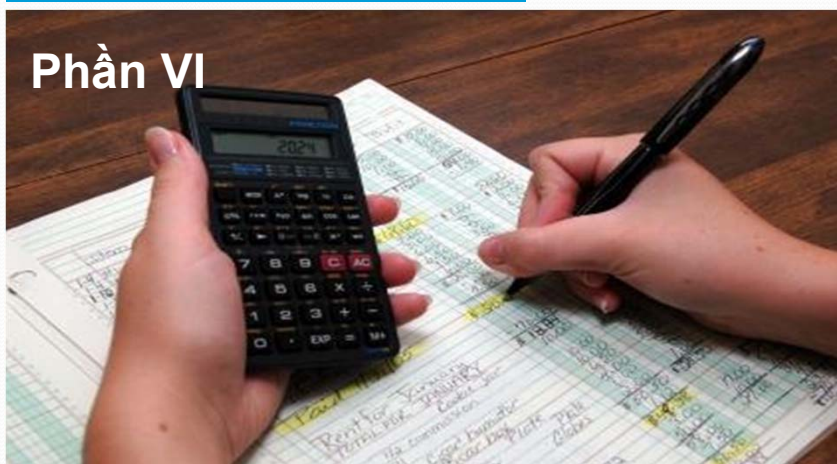
Chứng từ kế toán tiếng nước ngoài phải dịch nội dung chủ yếu sang tiếng Việt để ghi sổ và lập BCTC – Tài liệu kèm theo chứng từ không phải dịch



49

Sổ sách kế toán

Phần VI



50

Sổ sách kế toán

Các loại sổ kế toán

▣ Sổ tổng hợp

- Sổ Nhật ký
- Sổ Cái

▣ Sổ chi tiết

- Sổ kế toán chi tiết
- Thẻ kế toán chi tiết

Các hình thức sổ kế toán

- ▣ Nhật ký chung
- ▣ Nhật ký-Sổ cái
- ▣ Chứng từ ghi sổ
- ▣ Nhật ký-Chứng từ
- ▣ Phần mềm kế toán



51

Sổ sách kế toán



DN được **tự xây dựng biểu mẫu sổ kế toán** và hình thức ghi sổ kế toán nhưng phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch, đầy đủ, dễ kiểm tra, dễ kiểm soát và dễ đối chiếu



DN không tự xây dựng sổ sách kế toán cho riêng mình, có thể **áp dụng** các hình thức sổ sách kế toán được hướng dẫn trong TT số 133/2016



Khi sửa chữa sổ kế toán DN phải theo phương pháp phù hợp với **Luật Kế toán** và hồi tố theo chuẩn mực kế toán số VAS 29



52

Tổ chức thực hiện

Phần VI



53

Tổ chức thực hiện

Chuyển đổi số dư trên sổ kế toán

QĐ 48	Tài khoản	TT 133
TK 1113, TK 1123	Vàng (không phải là vàng tiền tệ), bạc, kim khí quý, đá quý	TK 152 (Tồn kho) – TK 2288 (Đầu tư khác)
TK 121	Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn	TK 128 (Đầu tư nắm giữ đến đáo hạn)
TK 142	Chi phí trả trước ngắn hạn	TK 242 Chi phí trả trước
TK 1388, TK 244	Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn và dài hạn	TK 1386 Cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ
TK 159, TK 229	Các khoản dự phòng	TK 229 Dự phòng tổn thất tài sản



54

Tổ chức thực hiện

Chuyển đổi số dư trên sổ kế toán

QĐ 48	Tài khoản	TT 133
TK 311, 315, 341	Vay ngắn hạn, Nợ dài hạn đến hạn trả, Vay dài hạn	TK 341 Vay và nợ thuê tài chính
TK 3414	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	TK 3386 Nhận ký quỹ, ký cược
TK 335	Chi phí phải trả (trích trước sửa chữa lớn, và các khoản tương tự)	TK 352 Dự phòng phải trả (chi tiết 3524)

Accounting &
Book Keeping



55

Hiệu lực thi hành



Thông tư 133/2016 có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày **01/01/2017**



Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ



Thông tư 133/2016 thay thế các nội dung áp dụng cho các DNNVV theo Quyết định số **48/2006/QĐ-BTC** ngày 14/09/2006 và Thông tư số **138/2011/TT-BTC** ngày 04/10/2011



56

Sinh hoạt định kỳ hàng tháng của Hội Kế toán TP. Hồ Chí Minh

